

Một số lưu ý cho doanh nghiệp Việt Nam về thời hạn khiếu nại theo Luật Thương mại Việt Nam và Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Các doanh nghiệp Việt Nam đã và đang tham gia rất nhiều giao dịch thương mại trong nước cũng như quốc tế. Tuy vậy, không phải lúc nào các doanh nghiệp cũng hiểu biết đầy đủ về các quy định pháp luật có liên quan đến các giao dịch thương mại. Việc chưa hiểu biết đầy đủ về các quy định pháp luật thương mại có liên quan có thể dẫn đến những bất lợi lớn về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp khi có sự cố xảy ra. Một trong những trường hợp điển hình là việc không tuân thủ thời hạn khiếu nại trong pháp luật thương mại Việt Nam hay trong Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ làm bên có quyền, lợi ích bị vi phạm mất quyền áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm.

Bài viết này sẽ trình bày một số nội dung cơ bản về thời hạn khiếu nại và những lưu ý cho doanh nghiệp khi áp dụng quy định về thời hạn khiếu nại theo Luật Thương mại Việt Nam và Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

I. Nhận Thức Chung Về Thời Hạn Khiếu Nại Trong Pháp Luật Thương Mại Việt Nam Và Công Ước Của Liên Hợp Quốc Về Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa Quốc Tế

Trong phạm vi áp dụng của pháp luật thương mại Việt Nam và Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, thời hạn khiếu nại được hiểu là khoảng thời gian mà trong đó bên có quyền và lợi ích bị vi phạm phải đưa ra yêu cầu bên vi phạm khắc phục vi phạm phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nếu yêu cầu khắc phục không được đưa ra trong thời hạn khiếu nại thì bên có quyền và lợi ích bị vi phạm sẽ gặp những hậu quả pháp lý bất lợi.

Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam không quy định cụ thể về hậu quả pháp lý của việc không tuân thủ thời hạn khiếu nại nói chung¹. Tuy nhiên, trên thực tế, khi áp dụng Luật Thương mại năm 2005, một số Tòa án Việt Nam đã xử lý các trường hợp không tuân thủ thời hạn khiếu nại theo hướng bác yêu cầu của bên đã không đưa ra khiếu nại trong thời hạn khiếu nại².

Khác với Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam, Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế quy định rõ về hậu quả pháp lý của việc không tuân thủ “thời hạn khiếu nại”³. Theo quy định tại Điều 39.1 của Công ước, bên mua bị mất quyền viện dẫn sự không phù hợp của hàng hóa nếu họ không thông báo cho bên bán về sự không phù hợp đó trong thời hạn hợp lý.

Theo đánh giá của một số học giả, chế định khiếu nại đòi hỏi bên bị vi phạm phải thực hiện khiếu nại trong một thời hạn nhất định để bảo toàn quyền viện dẫn tới vi phạm của bên vi phạm⁴. Việc không khiếu nại trong thời hạn khiếu nại không làm mất quyền khởi kiện của bên bị vi phạm nhưng bên bị vi phạm sẽ mất quyền viện dẫn vi phạm đó trước cơ quan xét xử. Khi đã mất quyền viện dẫn vi phạm của bên kia thì các yêu cầu có liên quan của bên bị vi phạm sẽ không được cơ quan xét xử chấp nhận.

Trên thực tế, một số hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước hay quốc tế còn có quy định về việc nếu bên mua không có khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa trong một thời hạn nhất định thì bên mua được coi là chấp nhận toàn bộ về số lượng, chất lượng hàng hóa. Các thỏa thuận loại này đòi hỏi bên mua phải kiểm tra, soát xét hàng hóa thật kỹ và càng sớm càng tốt để có thể khiếu nại kịp thời.

Vấn đề đặt ra là thỏa thuận như trên có ảnh hưởng đến các quy định có liên quan đến vấn đề bảo hành hay không⁵. Pháp luật hiện hành của Việt Nam hay Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế không có quy định cụ thể về vấn đề này⁶. Theo nhận định của người viết thì thỏa thuận mang tính khái quát như trên sẽ không ảnh hưởng đến các quy định về bảo hành do các quy định về bảo hành có mục đích và điều kiện áp dụng độc lập với các quy định về khiếu nại. Khi các điều kiện bảo hành được đáp ứng thì trách nhiệm bảo hành của bên bán sẽ phát sinh. Chỉ trong những trường hợp các bên có thỏa thuận cụ thể về việc miễn trừ trách nhiệm bảo hành sau khi hết thời hạn khiếu nại và luật áp dụng không cấm thỏa thuận như vậy thì bên bán mới được miễn trừ trách nhiệm bảo hành sau khi hết thời hạn khiếu nại.

Liên quan đến khoảng thời gian khiếu nại, do mục tiêu đặc thù của pháp luật thương mại là buộc các bên có tranh chấp phát sinh phải sớm thực hiện việc giải quyết tranh chấp của họ, để các tranh chấp đó không tiếp tục gây trở ngại đến các quan hệ thương mại khác⁷ nên thời hạn khiếu nại do luật định

thường ngắn hơn so với thời hiệu khởi kiện. Thời hạn khiếu nại cụ thể theo pháp luật thương mại Việt Nam và theo Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ được trình bày tại phần II và phần III của bài viết này.

II. Những Lưu Ý Khi Áp Dụng Luật Thương Mại Việt Nam Về Thời Hạn Khiếu Nại

Luật Thương mại năm 2005 của Việt Nam có hai quy định liên quan đến thời hạn khiếu nại: một quy định liên quan đến thời hạn khiếu nại nói chung (Điều 318) và một quy định liên quan đến thời hạn khiếu nại trong lĩnh vực logistic (điểm đ Khoản 1 Điều 237). Bài viết này sẽ tập trung đánh giá về quy định liên quan đến thời hạn khiếu nại nói chung.

Theo quy định tại Điều 318 Luật Thương mại năm 2005, thời hạn khiếu nại do các bên thỏa thuận; nếu các bên không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại được quy định như sau: (i) Ba tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng hàng hóa; (ii) Sáu tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng hàng hóa; trong trường hợp có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là ba tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành; (iii) Chín tháng, kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc trong trường hợp có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại về các vi phạm khác (các vi phạm khác có thể là vi phạm về thời hạn giao hàng, thời hạn thanh toán, vi phạm về bảo hành, v.v).

Căn cứ quy định trên đây thì thời hạn khiếu nại theo pháp luật thương mại Việt Nam là do các bên thỏa thuận (thường là thỏa thuận khi ký hợp đồng). Trong trường hợp các bên không có thỏa thuận thì thời hạn khiếu nại sẽ theo quy định pháp luật. Như vậy, khác với thời hiệu khởi kiện hoàn toàn do pháp luật quy định và các bên không có quyền thỏa thuận thay đổi⁸, thời hạn khiếu nại theo pháp luật thương mại Việt Nam hoàn toàn có thể do các bên thỏa thuận. Do đó, các bên tùy theo đặc điểm của giao dịch có thể thỏa thuận thời hạn khiếu nại dài hơn hoặc ngắn hơn thời hạn khiếu nại quy định trong Luật Thương mại Việt Nam. Bên cạnh đó, các bên có thể thỏa thuận một thời hạn khiếu nại duy nhất cho tất cả các loại khiếu nại như về số lượng hàng hóa, chất lượng hàng hóa, hay về các vi phạm khác.

Pháp luật thương mại Việt Nam không quy định cụ thể về cách thức thực hiện việc khiếu nại. Do đó, về nguyên tắc, bên có quyền, lợi ích bị vi phạm có thể thực hiện việc khiếu nại dưới các hình thức như khiếu nại bằng miệng, khiếu nại bằng văn bản. Tuy vậy, trong bối cảnh Việt Nam, việc khiếu nại bằng văn bản sẽ thuận lợi hơn trong việc chứng minh bên có quyền, lợi ích bị vi phạm đã thực hiện quyền khiếu nại đúng hạn trước các cơ quan xét xử.

Khi thực hiện quyền khiếu nại bằng hình thức văn bản thì bên khiếu nại cần trình bày những thông tin, sự việc mà bên khiếu nại cho rằng bên kia đã vi phạm hợp đồng, kèm theo những chứng cứ có liên quan như biên bản phản ánh chất lượng hàng hóa, ảnh chụp hàng hóa bị lỗi, ý kiến bằng văn bản của bên giám định (nếu có), v.v. Nếu hợp đồng giữa các bên không có thỏa thuận về thời hạn xử lý khiếu nại thì thư khiếu nại cũng cần đưa ra thời hạn để bên kia khắc phục vi phạm và tuyên bố nếu hết thời hạn mà bên kia không khắc phục được vi phạm thì bên khiếu nại sẽ thực hiện các biện pháp pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích của mình.

Bên khiếu nại cũng cần lưu ý về cách thức gửi thư khiếu nại để bảo đảm hoặc chứng minh được bên kia đã nhận được thư khiếu nại. Để đạt được mục đích này, bên khiếu nại nên gửi thư khiếu nại qua đường chuyển phát nhanh có yêu cầu báo phát. Khi đó, báo phát của bên chuyển phát là chứng cứ chứng minh bên vi phạm đã nhận được thư khiếu nại. Trong trường hợp bên vi phạm có dấu hiệu trốn tránh việc nhận thư khiếu nại thì bên khiếu nại có thể sử dụng dịch vụ thừa phát lại để làm bằng chứng cho việc đã gửi thư khiếu nại tới bên vi phạm.

III. Những Lưu Ý Khi Áp Dụng Thời Hạn Khiếu Nại Theo Công Ước Của Liên Hợp Quốc Về Hợp Đồng Mua Bán Hàng Hóa Quốc Tế

Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 01/01/2017. Liên quan đến các doanh nghiệp Việt Nam, về cơ bản Công ước này sẽ áp dụng đối với các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Việt Nam và doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại quốc gia thành viên khác của Công ước (VD như doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, v.v).

Công ước này cũng được áp dụng trong trường hợp căn cứ các quy định pháp luật có liên quan mà luật áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là luật của một quốc gia thành viên của Công ước⁹. Chẳng hạn như một doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Việt Nam ký hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế với một doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Vương quốc Anh (là nước chưa tham gia Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế) và hai bên thỏa thuận luật áp dụng đối với hợp đồng là luật của Singapore (là nước đang tham gia Công ước) thì Công ước sẽ được áp dụng đối với hợp đồng này.

Tuy vậy, trên cơ sở tôn trọng thích đáng nguyên tắc tự do hợp đồng, Điều 6 của Công ước cho phép các bên tham gia giao dịch hàng hóa quốc tế có thể thỏa thuận không áp dụng Công ước cho giao dịch giữa các bên¹⁰. Thỏa thuận này có thể dưới dạng nêu cụ thể trong hợp đồng như “*Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế sẽ không được áp dụng để điều chỉnh hợp đồng này*” hoặc cũng có thể dưới dạng các bên có trụ sở tại các quốc gia thành viên Công ước lựa chọn luật áp dụng là luật của một quốc gia không phải là thành viên của Công ước (VD: doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Việt Nam mua hàng của doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Hoa Kỳ và hai bên có thỏa thuận luật áp dụng đối với hợp đồng là luật của Vương quốc Anh - nước chưa tham gia Công ước)¹¹.

Trong trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Việt Nam thuộc phạm vi áp dụng của Công ước thì doanh nghiệp Việt Nam cần lưu ý về thời hạn khiếu nại quy định trong Công ước như sau:

Theo quy định tại Điều 39.1 của Công ước, bên mua bị mất quyền viện dẫn sự không phù hợp của hàng hóa nếu họ không thông báo cho bên bán về nội dung của sự không phù hợp đó trong thời hạn hợp lý sau khi bên mua phát hiện ra hoặc phải phát hiện ra sự không phù hợp đó.

Công ước không đưa ra giải thích thế nào là thời hạn hợp lý để bên mua thông báo cho bên bán về sự không phù hợp của hàng hóa. Vấn đề này sẽ do các cơ quan xét xử (tòa án, trọng tài) xác định dựa trên tình tiết vụ việc, tính chất hàng hóa, các yêu cầu về phương tiện, nhân lực, phương thức sử dụng. Một số án lệ tại Áo liên quan đến việc áp dụng Công ước này đã cho phép một thời hạn khiếu nại khoảng 2 tuần kể từ khi phát hiện ra khiếm khuyết của hàng hóa. Ngoài ra, cũng có một số trường hợp ngoại lệ trong đó tòa án Áo cho phép thời hạn thông báo dài hơn, có thể lên đến 2 tháng¹².

Mặc dù Điều 39.2 của Công ước còn đưa ra một giới hạn sau cùng về thời hạn khiếu nại là 2 năm kể từ thời điểm hàng hóa được giao thực sự cho bên mua¹³ nhưng để tránh những rủi ro về mặt pháp lý liên quan đến thời hạn khiếu nại, khi phát hiện thấy đối tác nước ngoài có sự vi phạm hợp đồng, doanh nghiệp Việt Nam cần thông báo cho đối tác nước ngoài càng sớm càng tốt. Nếu vi phạm phức tạp, cần nhiều thời gian để củng cố chứng cứ thì để tránh khiếu nại quá hạn, doanh nghiệp Việt Nam vẫn nên thông báo sơ bộ về vi phạm và trong thông báo đó tuyên bố bảo lưu việc bổ sung thêm các thông tin, tài liệu có liên quan đến vi phạm này.

Một điều cần lưu ý là Điều 6 của Công ước cho phép các bên loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào của Công ước này (ngoại trừ điều khoản liên quan đến hình thức của giao dịch). Căn cứ vào quy định này, các bên tham gia hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có thể thỏa thuận về thời hạn khiếu nại và thỏa thuận này sẽ có hiệu lực pháp lý cao hơn so với các quy định về thời hạn khiếu nại tại Điều 39 của Công ước. Khi có thỏa thuận về thời hạn khiếu nại thì bên khiếu nại sẽ tránh được các rủi ro liên quan đến việc cơ quan xét xử xác định thế nào là thời hạn hợp lý như đã nêu ở trên.

Liên quan đến hình thức của khiếu nại, về nguyên tắc, Công ước cho phép khiếu nại được thực hiện dưới bất kỳ hình thức nào. Trong thực tiễn xét xử, tòa án một số nước cho phép người mua thông báo bằng bất cứ hình thức nào kể cả bằng lời nói, điện thoại hay bằng văn bản miễn sao trong thời hạn hợp lý, đủ các yêu cầu về chi tiết thông báo và bên khiếu nại đưa ra chứng cứ về việc đã khiếu nại và nội dung khiếu nại¹⁴.

Tuy nhiên, đối với Việt Nam, do Việt Nam bảo lưu không áp dụng Điều 11 của Công ước¹⁵ (theo bảo lưu này, việc giao kết, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế mà doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại Việt Nam là một bên sẽ phải thể hiện dưới hình thức văn bản) nên việc thông báo khiếu nại của doanh nghiệp Việt Nam gửi cho đối tác nước ngoài cần phải lập bằng văn bản¹⁶.

Khi gửi thư khiếu nại cho đối tác nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam cũng cần sử dụng dịch vụ báo phát để làm chứng cứ cho việc đã khiếu nại. Nếu đối tác nước ngoài có dấu hiệu trốn tránh việc nhận thư khiếu nại thì doanh nghiệp Việt Nam cần tham vấn luật sư nước ngoài để có hình thức tổng đạt thư khiếu nại cho đối tác nước ngoài phù hợp với pháp luật nước sở tại.

IV. Kết Luận

Pháp luật thương mại Việt Nam và Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đều có quy định về thời hạn khiếu nại. Nếu bên có quyền, lợi ích bị vi phạm không thực hiện việc khiếu nại trong thời hạn khiếu nại thì đều có thể dẫn tới hậu quả là bên đó sẽ bị mất quyền viện dẫn vi phạm trước các cơ quan xét xử. Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam khi ký kết, thực hiện các hợp đồng mua bán hàng hóa trong nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thương mại Việt Nam hay các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước thì cần nhận thức đầy đủ về thời hạn khiếu nại để tránh bị mất quyền một cách đáng tiếc.

Các quy định trong Luật Thương mại của Việt Nam và Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đều cho phép các bên thỏa thuận về thời hạn khiếu nại. Do đó, các doanh nghiệp Việt Nam có thể chủ động thỏa thuận với đối tác về thời hạn khiếu nại cho phù hợp với đặc điểm giao dịch cụ thể.

Cuối cùng, để tránh các rủi ro liên quan đến việc khiếu nại quá hạn, ngay khi phát hiện ra vi phạm của đối tác thì doanh nghiệp Việt Nam cần thông báo cho đối tác càng sớm càng tốt. Thông báo khiếu nại cần được thực hiện bằng văn bản và được gửi cho đối tác bằng hình thức báo phát hoặc các hình thức khác cho phép lưu lại chứng cứ hợp lệ về việc thông báo khiếu nại đã được chuyển giao tới đối tác.

Ghi chú quan trọng: Bài viết của Công ty luật TNHH WIKI LEGAL chỉ dành cho mục đích tham khảo trong hoạt động nghiên cứu pháp lý, không được coi là ý kiến tư vấn ở bất kỳ phương diện nào.

¹ Riêng đối với dịch vụ logistics, điểm đ Khoản 1 Điều 237 Luật Thương mại năm 2005 quy định thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics “không phải chịu trách nhiệm về những tổn thất đối với hàng hóa” trong trường hợp thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics không nhận được thông báo khiếu nại trong thời hạn mười bốn ngày kể từ ngày thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics giao hàng cho người nhận.

² VD: Bản án số 07/2012/KDTM-ST ngày 10/4/2012 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa được đăng tại địa chỉ: <https://caselaw.vn/ban-an/2377/07-2012-kdtm-st-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-thiet-bi/#/>

³ Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế không sử dụng thuật ngữ “thời hạn khiếu nại”. Tuy vậy, Công ước đưa ra những quy định về việc nếu bên có quyền, lợi ích bị vi phạm không thông báo cho bên còn lại về vi phạm đó trong một thời hạn nhất định thì bên có quyền, lợi ích bị vi phạm sẽ bị mất quyền viện dẫn vi phạm về sau này. Về bản chất, đây chính là “thời hạn khiếu nại” theo cách hiểu nêu tại phần I của bài viết này.

⁴ Xem: Phan Huy Hồng, Thời hạn khiếu nại trong hoạt động thương mại: pháp luật, thực tiễn tài phán và các quan điểm, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 8 (145), tháng 4/2009.

⁵ Bảo hành được hiểu là cam kết của bên bán/bên sản xuất về việc sẽ sửa chữa, khắc phục, thay thế hàng hóa bị lỗi hoặc nhận lại hàng lỗi và trả lại tiền khi hàng hóa bị lỗi trong thời hạn bảo hành và đáp ứng những điều kiện nhất định.

⁶ Điều 39.2 của Công ước có đề cập đến việc không áp dụng thời hạn khiếu nại 02 năm khi thời hạn này không phù hợp với thời hạn bảo hành. Tuy vậy, đây là trường hợp liên quan đến thời hạn khiếu nại do Công ước quy định chứ không phải là trường hợp thời hạn khiếu nại do các bên thỏa thuận.

⁷ Xem: Phan Huy Hồng, tài liệu đã dẫn.

⁸ Xem: Nguyễn Thị Minh Phượng, Thời hiệu khởi kiện và thực tiễn áp dụng pháp luật đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo yêu cầu áp dụng thời hiệu, đăng tải trên Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử ngày 10/8/2021 tại địa chỉ: <https://tapchitoaan.vn/thoi-hieu-khoi-kiem-va-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-theo-yeu-cau-ap-dung-thoi-hieu>

⁹ Cụ thể về phạm vi áp dụng của Công ước được quy định tại Chương I của Công ước này.

¹⁰ Điều 6 của Công ước quy định: “Các bên có thể loại trừ việc áp dụng Công ước này hoặc, với điều kiện tuân thủ Điều 12, loại trừ hoặc thay đổi hiệu lực của bất kỳ điều khoản nào của Công ước này”.

¹¹ Xem: Trường Đại học Ngoại thương – Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), 101 Câu hỏi – đáp về Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), mục 17.

¹² Xem: Trường Đại học Ngoại thương – Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), 101 Câu hỏi – đáp về Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), mục 49.

¹³ Điều 39.2 của Công ước quy định trong mọi trường hợp, bên mua bị mất quyền viện dẫn sự không phù hợp của hàng hóa nếu họ không thông báo cho bên bán về sự không phù hợp đó trong vòng 2 năm kể từ thời điểm hàng hóa được giao thực sự cho bên mua, trừ trường hợp thời hạn này không phù hợp với thời hạn bảo hành.

¹⁴ Xem: Trường Đại học Ngoại thương – Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), 101 Câu hỏi – đáp về Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), mục 51.

¹⁵ Điều 11 của Công ước quy định hợp đồng mua bán không bắt buộc phải được giao kết hoặc chứng minh bằng văn bản cũng như không bắt buộc phải tuân thủ bất kỳ quy định nào về hình thức; hợp đồng có thể được chứng minh bằng mọi cách, kể cả bằng nhân chứng.

¹⁶ Xem: Trường Đại học Ngoại thương – Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), 101 Câu hỏi – đáp về Công ước của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG), mục 51.